TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Ông Trương Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L (Đ), sinh năm 1994; nơi cư trú: số Q, tổ 04, khóm A,phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh G, sinh năm 1985; nơi cư trú: số C, lô T khu dân cư khóm Y, phường A, thành phố D, tỉnh An Giang.

Chị L có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: Chị L và anh G tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, chị L và anh G chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012, chị L

và anh G phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị L yêu cầu ly hôn với anh G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh G có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 13/7/2012. Chị L yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Huỳnh Thanh G chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm giữa chị L và anh G. Tòa án chỉ tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của anh G nhận thay và cam kết thông báo lại cho anh G biết nhưng anh G vẫn vắng mặt nên Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét sử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với vệc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh G chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tạ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 13/7/2012 hiện đang sống cùng chị L và chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy Nguyễn Thị Quỳnh Nh không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, để đảm bảo điều kiện phát triển và cuộc sống ổn định của cháu Nh và phù hợp với nguyện vọng của cháu Như nên chấp nhận giao cháu Nh cho chị L tiếp tục nuôi dạy, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Bích L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh G. Anh G có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Bị đơn anh Huỳnh Thanh G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh G theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Huỳnh Thanh G tự tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo kết quả xác minh ngày 29/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc xác định " Qua trích lục sổ bộ hộ tịch năm 2011 không tìm thấy tên chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1994, nơi đăng ký thường trú: Khóm S, phường A, thành phố D và anh Huỳnh Thanh G, sinh năm 1985, nơi đăng ký thường trú: Khóm T, phường A, thành phố D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A vào năm 2011".

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng''.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Như vậy, Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Huỳnh Thanh G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận Nguyễn Thị Bích L và anh Huỳnh Thanh G là vợ chồng.

[2] Về con chung: Theo biên bản ý kiến cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh hiện đang sống chung với chị L tại tổ 4, Khóm S, phường A, thành phố D, tỉnh An Giang. Con chung có nguyện vọng được sống cùng chị L vì được chị L chăm sóc tốt, được đi học và có cuộc sống ổn định, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

Anh G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích L (Đ) và anh Huỳnh Thanh G là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích L được tiếp tục nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 13/7/2012 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh Huỳnh Thanh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Bích L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Huỳnh Thanh G trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi các con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0007676 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị Nguyễn Thị Bích L đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Thanh G không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của anh Huỳnh Thanh G là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà